

TP.HCM, ngày 04 tháng 04 năm 2008

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

MÃ CHỨNG KHOÁN: SGT

NĂM BÁO CÁO: 2007

I. Tổng quan về công ty:

Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn (SAIGONTEL) là thành viên của tập đoàn Saigon Invest Group - một trong những nhóm công ty thành công nhất với việc đầu tư và quản lý những lĩnh vực kinh doanh khác nhau tại Việt Nam như: ngân hàng, đào tạo dạy nghề, kinh doanh dịch vụ các khu công nghiệp & khu chế xuất, công nghệ thông tin...

1. Những sự kiện quan trọng năm 2007:

- Ngày 11/01/2007, SAIGONTEL trở thành cổ đông sáng lập (chiếm 7% vốn điều lệ) của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Khu công nghệ cao TP.HCM.
- Ngày 13/02/2007, Công ty chính thức được Bộ Văn hóa - Thông tin cấp phép Trò chơi trực tuyến Shaiya, bắt đầu kinh doanh Game Online trên thị trường Việt Nam.
- Ngày 21/03/2007, Công ty ký Bản ghi nhớ thành lập liên doanh đầu tư xây dựng Thuthiem Software Park tại TP.HCM với tổng vốn đầu tư lên tới 1.200 triệu USD và trở thành nhà đầu tư đầu tiên tại khu đô thị mới Thủ Thiêm.
- Ngày 02/06/2007, Đại hội Cổ đông bất thường thông qua phương án tăng vốn điều lệ lên 630 tỷ đồng. Vốn cổ đông thực góp vào thời điểm 31/12/2007 là 450 tỷ đồng.
- Ngày 19/09/2007, Công ty chính thức được Bộ Thông tin - Truyền thông cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông OSP (Ứng dụng Internet trong viễn thông), sau khi được cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông ISP (Dịch vụ truy cập Internet) năm 2005.
- Ngày 18/01/2008, 45.000.000 cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM

2. Lĩnh vực hoạt động

SAIGONTEL là một doanh nghiệp cổ phần lớn hoạt động rộng trên nhiều ngành nhưng đặc biệt tất cả sản phẩm, dịch vụ kinh doanh đều liên quan đến lĩnh vực công nghệ cao (CNC), viễn thông và CNTT, từ đầu tư và kinh doanh hạ tầng khu ICT, khu công nghiệp CNC; cung cấp dịch vụ Internet và giá trị gia tăng; cung cấp giải pháp và thiết bị viễn thông, CNTT; cho đến cung cấp các dịch vụ trực tuyến và cung cấp nguồn nhân lực CNTT. Hiện nay, các sản phẩm dịch vụ chính là:

- Đầu tư, xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng: khu ICT, khu công nghiệp CNC, khu công viên phần mềm, cao ốc thông minh trên toàn quốc.
- Cung cấp dịch vụ truy nhập Internet và các dịch vụ gia tăng trên nền Internet.
- Cung cấp giải pháp tổng thể về viễn thông, CNTT, tích hợp hệ thống và cung cấp thiết bị viễn thông, CNTT.
- Cung cấp dịch vụ trực tuyến: trò chơi trực tuyến (Game Online), thương mại điện tử
- Kinh doanh phân phối sản phẩm viễn thông, CNTT (thiết bị viễn thông, CNTT, phân phối thẻ pre-paid, thẻ SIM)
- Đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực viễn thông, CNTT.
- Phát triển phần mềm: sản xuất và gia công phần mềm.

Cùng với xu hướng phát triển của ngành viễn thông, CNTT, tình hình hoạt động của công ty trong những năm gần đây đều phát triển vượt bậc, quy mô công ty, doanh số và lợi nhuận tăng trưởng gấp nhiều lần năm kề trước.

3. Định hướng phát triển

+ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Trong những năm gần đây, tăng trưởng ngành viễn thông – CNTT ở Việt Nam duy trì ở mức 25 - 30%. Do các hoạt động chính của Công ty đều thuộc lĩnh vực hoặc liên quan mật thiết đến lĩnh vực viễn thông – CNTT nên mục tiêu chủ yếu của Công ty là tăng trưởng bền vững với mức cao hơn trung bình của ngành. Nghĩa là trong ngắn hạn và dài hạn, Công ty phấn đấu sẽ tăng trưởng ít nhất 30%/năm. Các chỉ tiêu chủ yếu năm 2008:

- Vốn điều lệ: 750 tỷ VNĐ, tăng 66.7% so với năm 2007
- Doanh thu: 1.200 tỷ VNĐ, tăng 41% so với năm 2007
- Lợi nhuận sau thuế: 225 tỷ VNĐ, tăng 64.6% so với năm 2007

+ Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Công ty tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động sản xuất kinh doanh đảm bảo doanh số lớn, lợi nhuận ổn định: đầu tư kinh doanh hạ tầng khu ICT, khu công nghệ Science Park, kinh doanh sản phẩm viễn thông – CNTT. Bên cạnh đó, công ty đang chuẩn bị đầu tư và cung cấp các dịch vụ viễn thông và giá trị gia tăng như: dịch vụ băng rộng không dây WIMAX, thanh toán trực tuyến,... và các dịch vụ truyền thông truyền hình nhằm tạo ra các đột biến về doanh số lợi nhuận và thể hiện vai trò dẫn đầu của Công ty trong lĩnh vực viễn thông, truyền thông.

II. Báo cáo của Hội đồng Quản trị

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm 2007

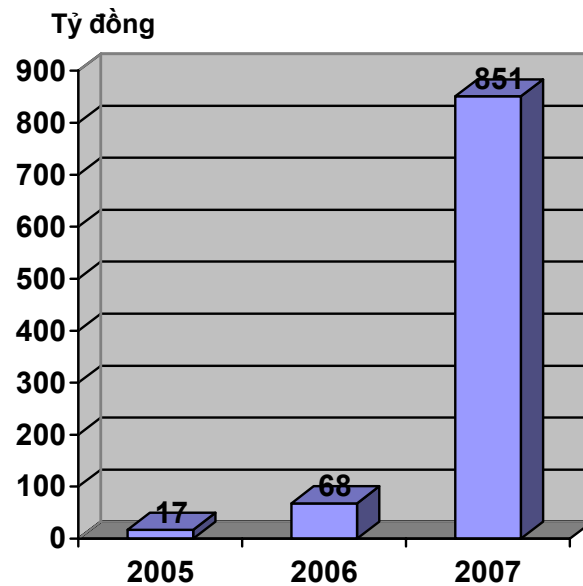
Năm 2007 là một năm thành công của Công ty, đánh dấu một sự phát triển vượt bậc về cả quy mô, doanh số và lợi nhuận.

Vào thời điểm 31/12/2007, Vốn cổ đông thực góp là 450 tỷ VNĐ, gấp 09 lần so với đầu năm. Trong năm 2007, Công ty ba lần thực hiện tăng vốn điều lệ để đảm bảo cho nhu cầu phát triển. Tổng tài sản cuối năm tài chính là 1.384.198.046.136 VNĐ bằng 607% đầu năm.

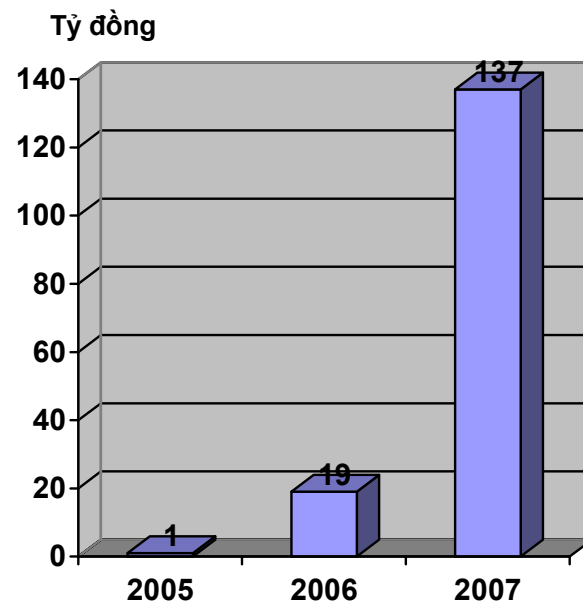
Tổng doanh thu và lợi nhuận sau thuế năm 2007 là 851.215.587.725 VNĐ và 136,689,637,798 VNĐ tương ứng bằng 1254% và 718% năm 2006. Do sự phát triển rất cao như vậy nên trong năm, Hội đồng Quản trị phải nhiều lần điều chỉnh kế hoạch doanh thu, lợi nhuận.

Tuy trong năm Công ty tăng vốn nhiều lần nhưng lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu vẫn đạt 3.813 VNĐ.

Biểu đồ 1: Doanh thu qua các năm 2005-2007



Biểu đồ 2: Lợi nhuận sau thuế qua các năm 2005-2007



2. Những thay đổi chủ yếu trong hoạt động SXKD trong năm

Ngoài các hoạt động kinh doanh truyền thống như: cung cấp dịch vụ Internet, tích hợp hệ thống, phần mềm, trong năm 2007, Công ty đã chính thức triển khai nhiều dịch vụ mới và đưa các cơ sở hạ tầng ICT vào khai thác:

- Cao ốc SaigonICT1 tại Công viên Phần mềm Quang Trung: khánh thành tháng 5/2007 và đã lấp đầy 80% diện tích cho thuê.
- Đẩy mạnh kinh doanh khu ICT Đại Đồng – Hoàn Sơn: đến cuối năm 2007, 55% diện tích đã được đăng ký thuê. Công ty tiếp tục triển khai xây dựng khu Đại Đồng – Hoàn Sơn mở rộng.
- Công ty bắt đầu đi vào kinh doanh và phân phối các sản phẩm viễn thông, CNTT với các sản phẩm chính là thẻ pre-paid, thẻ SIM,... Sản phẩm này đóng góp doanh số hàng trăm tỷ đồng mỗi tháng. Chi nhánh Tân Tạo thuộc Công ty là một trong hai nhà phân phối lớn nhất của Vinaphone.
- Cung cấp trò chơi trực tuyến Shaiya: đến nay trò chơi này đã có hơn 400.000 users và là một trong game 3D có lượng người chơi cao nhất.
- Công ty đã làm việc và ký hợp đồng với nhiều đối tác lớn trong và ngoài nước: Teco, Foxconn (Đài Loan), Tập đoàn Dệt may, Tổng Công ty VTC,... trong việc liên doanh khai thác nhiều dự án lớn về Công viên Phần mềm, cao ốc thông minh, truyền thông, viễn thông.

3. *Triển vọng phát triển trong tương lai*

Với dân số trên 80 triệu người và tỷ lệ tăng trưởng GDP hàng năm trên 8%, thị trường viễn thông và công nghệ thông tin Việt Nam vẫn còn rất nhiều tiềm năng cho các nhà đầu tư. Triển vọng ngành Viễn thông, CNTT ở Việt Nam trong những năm tới sẽ phát triển khoảng 30%/năm. Các hoạt động sản xuất kinh doanh của SAIGONTEL gắn liền với ngành viễn thông, CNTT nên sẽ có nhiều thuận lợi trong xu hướng phát triển chung của ngành. Thêm vào đó, các sản phẩm, dịch vụ của SAIGONTEL rất đa dạng và ở trong nhóm dẫn đầu trên nhiều lĩnh vực: từ cho thuê đất khu công nghiệp công nghệ cao, văn phòng cao cấp gắn liền cơ sở hạ tầng ICT tiên tiến; cung cấp dịch vụ viễn thông, Internet và giá trị gia tăng; cung cấp giải pháp, hệ thống thiết bị viễn thông, CNTT; cho đến cung cấp dịch vụ trực tuyến như thương mại điện tử, trò chơi; cung cấp nguồn nhân lực CNTT; cùng với việc SAIGONTEL có thế mạnh trong việc thu hút các tập đoàn công nghệ lớn đầu tư vào Việt Nam, nên kỳ vọng trong những năm tới, Công ty sẽ liên tục phát triển vượt bậc.

4. *Kế hoạch phát triển trong tương lai:*

Năm 2008, Công ty tiếp tục các hoạt động kinh doanh chính:

5. Khai thác khu ICT Đại Đồng – Hoàn Sơn, cao ốc Saigon ICT1

6. Cung cấp dịch vụ Internet tốc độ cao và dịch vụ giá trị gia tăng ở các khu công nghiệp.
7. Cung cấp giải pháp tổng thể về viễn thông, CNTT, tích hợp hệ thống và cung cấp thiết bị viễn thông, CNTT trọn gói qua các dự án.
8. Cung cấp dịch vụ trò chơi trực tuyến, đưa thêm game Chiến Quốc ra thị trường
9. Phân phối sản phẩm viễn thông, CNTT: thẻ SIM, pre-paid, thiết bị đầu cuối.

Ngoài ra, Công ty đầu tư và liên doanh đầu tư triển khai hàng loạt dự án lớn, đưa ra các sản phẩm mới trong năm và tạo nền tảng phát triển cho các năm tiếp theo. Các dự án tiêu biểu:

10. Khởi công cao ốc Saigon ICT2 với diện tích sàn 45.000 m², tổng vốn đầu tư 200 tỷ đồng, tiến độ triển khai 2008 – 2010.
11. Đầu tư khu ICT Đại Đồng Hoàn Sơn mở rộng (200ha) với tổng vốn đầu tư 500 tỷ đồng, triển khai trong hai năm 2008 – 2009.
12. Đầu tư 421 ha khu công nghiệp CNC Nam Sông Hồng (Hà Tây, sắp chuyển về Hà Nội) để thu hút các nhà đầu tư hoạt động trong lĩnh vực công nghệ cao.
13. Đầu tư khu du lịch sinh thái Kontum – Tây Nguyên (1000ha)
14. Đầu tư khu đô thị mới Bắc Tân Lập – Hà Tây (50ha)
15. Đầu tư hệ thống nhà xưởng hiện đại, tính năng tiên tiến với tổng diện tích 120.000 m² trên 20 ha tại khu công nghiệp Tân Phú Trung để phục vụ cho hoạt động của các tập đoàn sản xuất công nghệ cao.
16. Liên doanh với Tập đoàn Dệt May đầu tư cao ốc 25 tầng ở 300AB Nguyễn Tất Thành, tổng vốn đầu tư 40 triệu USD, Công ty góp trên 50%
17. Liên doanh đầu tư tòa tháp đôi Meridian 48 tầng cao nhất miền Trung, Công ty góp 40% trong tổng vốn đầu tư 180 triệu USD
18. Thành lập liên doanh với Tập đoàn Teco (Đài Loan) để đầu tư, khai thác Công viên Phần Mềm tại khu đô thị mới Thủ Thiêm trong dự án. Công ty góp 20% trong 1,2 tỷ USD, tiến độ triển khai 2008 – 2011.
19. Liên doanh thành lập công ty truyền thông sản xuất chương trình để phát 24/24 trên kênh truyền hình đại chúng. Công ty đóng góp 51% dự án.
20. Liên doanh thành lập công ty viễn thông để triển khai dịch vụ không dây băng rộng WIMAX trên toàn quốc.

21. Liên doanh với Ngân hàng thành lập công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại điện tử. Công ty đóng góp 55% vốn điều lệ.

Một số các hoạt động trên đã được ĐHCĐ thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản và sẽ được HĐQT trình bày cụ thể tại kỳ họp ĐHCĐ dự kiến được tổ chức vào cuối tháng 04/2008.

III. Báo cáo của Ban giám đốc

1. Báo cáo tình hình tài chính

a/ Khả năng sinh lời và khả năng thanh toán:

- Khả năng sinh lời:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2007	2006	2005
Lợi nhuận trước thuế / Doanh thu thuần	%	19,35%	29,65%	6,80%
Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	%	16,00%	27,06%	6,12%
Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản (ROA)	%	9,88%	8,35%	0,74%
Lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn (ROE)	%	22,72%	27,59%	4,42%

Lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần năm 2007 đạt 16%, thấp hơn so với năm 2006 (29,65%) là do năm 2007 SaigonTel bổ sung hoạt động kinh doanh thẻ pre-paid, thẻ sim có doanh thu cao (chiếm 66% tổng doanh thu) và vòng quay hàng tồn kho nhanh nhưng tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thấp làm cho tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu bình quân 2007 của SaigonTel thấp hơn so với năm 2006.

Mặc dù tổng tài sản của SaigonTel tăng trưởng với tốc độ cao (gấp hơn 5 lần) trong năm 2007 nhưng chỉ số ROA vẫn đạt ở mức cao và tăng 1,53% so với năm 2006.

Năm 2007, Công ty tập trung vốn đầu tư vào một số dự án lớn (Cao ốc Thông minh Saigontel-Vinatex Quận 4 TPHCM, Cao ốc Viễn Đông Meridian 84 Hùng Vương Đà Nẵng...) nên suất sinh lợi trên vốn chủ sở hữu năm 2007 có giảm so với năm 2006 nhưng sẽ tăng mạnh vào những năm sau khi dự án được hoàn thành và đưa vào khai thác.

- Khả năng thanh toán:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2007	2006	2005
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,77	1,43	1,20
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	0,76	1,56	1,49
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,49	1,26	1,15

Khả năng thanh toán được cải thiện qua các năm chứng tỏ SaigonTel luôn giữ cơ cấu vốn hợp lý nhằm đạt được mục tiêu về hiệu quả kinh doanh trong khi vẫn đảm bảo khả năng về tài chính.

b/ Những thay đổi về vốn cổ đông

Trong năm 2007, để đáp ứng nhu cầu về vốn đầu tư vào các dự án lớn, Công ty đã tăng vốn ba lần như sau:

Thời gian	Vốn điều lệ đăng ký	Giá trị tăng trong kỳ	Vốn thực góp của cổ đông	Phương thức
3/2007	150 tỷ VNĐ	100 tỷ VNĐ	150 tỷ VNĐ	Phát hành cho đối tác chiến lược
5/2007	210 tỷ VNĐ	60 tỷ VNĐ	210 tỷ VNĐ	Phát hành cho CĐ hiện hữu
6/2007	630 tỷ VNĐ	240 tỷ VNĐ	450 tỷ VNĐ	Phát hành cho CĐ hiện hữu, đối tác chiến lược

Tính đến 31/12/2007, tổng số cổ phiếu SGT đang lưu hành là 45.000.000 cổ phần, trong đó có 14.610.440 cổ phần (chiếm 32,47%) là cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng và 30.389.560 cổ phần (chiếm 67,53%) là cổ phiếu phổ thông.

STT	NHÓM CỔ ĐÔNG	SL CP HẠN CHẾ	TỶ LỆ NĂM GIỮ	THỜI HẠN
I	CỔ ĐÔNG ĐẶC BIỆT	11.910.440	26,468%	
	1 HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	10.808.000	24,018%	100% 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% 6 tháng tiếp theo
	2 BAN GIÁM ĐỐC	1.080.440	2,401%	100% 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% 6 tháng tiếp theo
	3 KẾ TOÁN TRƯỞNG	8.000	0,018%	100% 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% 6 tháng tiếp theo
	4 BAN KIỂM SOÁT	14.000	0,031%	100% 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% 6 tháng tiếp theo
II	CỔ ĐÔNG CHIẾN LƯỢC	2.700.000	6,000%	
	1 VIETNAM ENTERPRISE INVESTMENTS LIMITED	1.000.000	2,222%	đến hết 31/12/2008
	2 AMERSHAM INDUSTRIES LTD.	1.000.000	2,222%	đến hết 31/12/2008
	3 CALEDONIA INVESTMENTS PLC	400.000	0,889%	đến hết 31/12/2008
	4 HOÀNG THỊ LAN HƯƠNG	300.000	0,667%	100.000 CP hạn chế chuyển nhượng đến hết 04/04/2008, 100.000 CP hạn chế chuyển nhượng đến hết 04/04/2009, 100.000 CP hạn chế chuyển nhượng đến hết 04/04/2010.
III	CỘNG CỔ PHIẾU HẠN CHẾ	14.610.440	32,468%	

Công ty không có cổ phiếu quỹ và trái phiếu các loại.

c/ Cổ tức:

Công ty đã xin ý kiến cổ đông bằng văn bản và đã được thông qua với tỷ lệ 89,97% số cổ phần biểu quyết đồng ý về việc chia cổ tức năm 2007 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 30%.

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

a/ Văn phòng Công ty

Doanh thu: 33.216.603.419 VNĐ Lợi nhuận sau thuế: 14.361.127.310 VNĐ

Tháng 5/2007, Công ty đưa vào khai thác cao ốc Saigon ICT1 cao 9 tầng, diện tích sàn gần 10.000 m². Mặc dù nằm vị trí đẹp trong Công viên Phần mềm Quang Trung nhưng trong những tháng đầu tiên, nhiều Công ty chỉ mới đăng ký thuê hạ tầng nên doanh thu do cao ốc đem lại chưa cao. Trong năm 2008, cao ốc sẽ mang nguồn thu ổn định. Công ty đã lên kế hoạch xây dựng cao ốc Saigon ICT2 ở bên cạnh.

Các hoạt động kinh doanh Internet tốc độ cao của Công ty tại khu công nghiệp Tân Tạo, VSIP (Vietnam – Singapore Industrial Park) vẫn diễn ra bình thường.

Hiện nay, Công ty chiếm hơn 50% thị phần khách hàng doanh nghiệp sử dụng dịch vụ Internet Leased Line tại khu công nghiệp VSIP.

Trong năm 2007, doanh thu của dịch vụ tích hợp hệ thống có suy giảm do đội ngũ kỹ thuật của Công ty tập trung vào các công việc phục vụ cho chính mình: thiết kế hệ thống cho các dự án cao ốc mà Công ty làm chủ đầu tư, thiết lập hệ thống CNTT cho dịch vụ Game Online.

Trò chơi trực tuyến Shaiya do Công ty Sonokong (Hàn Quốc) phát triển được Công ty nội địa hóa và độc quyền phát hành tại Việt Nam trong năm 2007. Đây cũng là game 3D đầu tiên ở Việt Nam nên nhanh chóng thu hút lượng người chơi lớn (400.000 users) và mang lại khoản doanh thu đáng kể cho Công ty. Tiếp nối thành công, Công ty đang phát triển Game Chiến Quốc và dự kiến sẽ thương mại hóa vào quý 2/2008.

Năm 2007, đội ngũ phần mềm của Công ty tập trung vào nghiên cứu và phát triển mảng dịch vụ Thương mại Điện tử và đã xây dựng thành công hệ thống thanh toán trực tuyến. Do tính đặc thù của dịch vụ thiên về tài chính khi triển khai chính thức nên Công ty thương thảo liên doanh với Ngân hàng Nam Việt để thành lập doanh nghiệp mới nhằm cung cấp dịch vụ này trên thị trường.

b/ Chi nhánh Bắc Ninh

Doanh thu: 258.974.168.663 VNĐ Lợi nhuận sau thuế: 116.308.991.667 VNĐ

Năm 2007, Chi nhánh Bắc Ninh đã phát triển vượt bậc và đóng góp lớn vào tổng doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Sau 03 năm xây dựng cơ sở hạ tầng, khu ICT Đại Đồng - Hoàn Sơn chính thức đón các nhà đầu tư đầu tiên vào hoạt động. Hiện nay, Chi nhánh đã cho thuê lâu dài được khoảng 150ha. Mặt khác, Chi nhánh xây dựng và kinh doanh nhà xưởng theo tiêu chuẩn công nghệ cao cho các doanh nghiệp trong khu ICT. Ngoài ra, Chi nhánh còn đầu tư và khai thác khu nhà ở, biệt thự phục vụ chuyên gia trong khu vực.

Công ty tiếp tục triển khai xây dựng khu ICT Đại Đồng - Hoàn Sơn mở rộng với tổng vốn đầu tư 500 tỷ VNĐ.

c/ Chi nhánh Tân Tạo

Doanh thu: 562.028.483.384 VNĐ Lợi nhuận sau thuế: 6.019.518.822 VNĐ

Tháng 4/2007, Công ty bắt đầu kinh doanh sản phẩm mới là thẻ SIM, thẻ pre-paid viễn thông. Doanh số sản phẩm này chiếm tỷ trọng lớn trong tổng doanh thu vì tốc độ quay vòng vốn rất nhanh. Tuy tỷ trọng lợi nhuận trên doanh số của sản phẩm thấp nhưng đây là hoạt động có tính rủi ro thấp và Công ty có được

giá trị vô hình là tạo được kênh phân phối rộng khắp trên cả nước để phục vụ cho các hoạt động phân phối thiết bị cầm tay, cung cấp các dịch vụ viễn thông mà Công ty đang phát triển.

3. Những tiến bộ công ty đã đạt được

Kết quả hoạt động kinh doanh ấn tượng của Công ty trong năm 2007 là nhờ sự chỉ đạo sâu sát của Hội đồng Quản trị, sự cố gắng của Ban Điều hành và sự đồng tâm hiệp lực của toàn bộ cán bộ nhân viên công ty. Ngoài ra, Công ty cũng nhận được sự hỗ trợ rất nhiều của chính quyền các cấp và các đơn vị thành viên tập đoàn Saigon Invest.

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực viễn thông & CNTT, Công ty luôn chú trọng đến việc cập nhật kiến thức, mô hình, quy trình công nghệ hiện đại. Mặt khác, Công ty luôn nghiên cứu thị trường, khảo sát nhu cầu khách hàng để đảm bảo các hoạt động nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới của Công ty là đúng với xu thế phát triển công nghệ, đúng với thị hiếu khách hàng, tạo được lợi thế cạnh tranh so với các doanh nghiệp cùng ngành nhằm duy trì và phát triển thị phần.

Tháng 11 năm 2007, Công ty có một đợt hoàn thiện lại cơ cấu tổ chức, phân công công việc trong Ban Điều hành, bổ nhiệm một số trưởng, phó bộ phận, chỉnh sửa quy trình nội bộ để nâng cao chất lượng quản lý, điều hành công việc.

IV. Báo cáo tài chính đã kiểm toán:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính :Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	12/31/2007	1/1/2007
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		526,477,636,629	194,090,060,178
I. Tiền	110		10,853,224,389	1,753,415,399
1. Tiền	111	V.1.	10,853,224,389	1,753,415,399
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		311,135,611,190	154,739,398,397
1. Phải thu khách hàng	131	V.2.1	7,647,637,156	11,918,959,154

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	12/31/2007	1/1/2007
	2. Trả trước cho người bán	132	V.2.2	66,143,569,459	19,086,040,262
	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	V.2.3	172,979,266,655	64,603,566,285
	4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
	5. Các khoản phải thu khác	138	V.2.4	64,365,137,920	59,130,832,696
	6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
	IV. Hàng tồn kho	140	V.3.	185,146,938,616	37,383,846,181
	1. Hàng tồn kho	141		185,146,938,616	37,383,846,181
	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
	V. Tài sản ngắn hạn khác	150		19,341,862,434	213,400,201
	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.4.1	103,786,305	89,157,521
	2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.4.2	19,238,076,129	107,018,354
	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.4.3	-	17,224,326
	4. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	-
	B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		857,720,409,507	33,909,469,251
	I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
	II. Tài sản cố định	220		150,598,172,150	27,693,453,156
	1. TSCĐ hữu hình	221	V.5.1	49,564,669,558	4,442,060,867
	- Nguyên giá	222		57,693,037,586	7,213,132,194
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8,128,368,028)	(2,771,071,327)
	2. TSCĐ thuê tài chính	224	V.5.2	-	7,039,509,034
	- Nguyên giá	225		-	9,752,753,140
	- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	(2,713,244,106)
	3. TSCĐ vô hình	227		-	-
	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.6.	101,033,502,592	16,211,883,255
	III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		706,322,737,000	5,900,000,000
	1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
	2. Đầu tư vào công ty liên kết,	252	V.7.1		-

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	12/31/2007	1/1/2007
	liên doanh			244,077,712,000	
	3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.7.2	462,245,025,000	5,900,000,000
	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
	V. Tài sản dài hạn khác	260		799,500,357	316,016,095
	1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8.1	519,735,749	127,727,651
	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
	3. Tài sản dài hạn khác	268	V.8.2	279,764,608	188,288,444
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN			1,384,198,046,136	227,999,529,429

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	12/31/2007	1/1/2007
	A. NỢ PHẢI TRẢ	300		782,619,909,565	158,968,585,410
	I. Nợ ngắn hạn	310		692,975,530,282	124,687,314,975
	1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.9.1	148,537,000,000	23,607,941,190
	2. Phải trả cho người bán	312	V.9.2	1,809,508,632	1,413,104,155
	3. Người mua trả tiền trước	313	V.9.3	15,346,032,659	2,447,054,514
	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.9.4	44,080,490,093	2,066,161,105
	5. Phải trả người lao động	315	V.9.5	462,832,930	-
	6. Chi phí phải trả	316	V.9.6	126,590,466,156	28,603,949,745
	7. Phải trả nội bộ	317	V.9.7	172,979,266,655	64,603,566,286
	8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318		-	-
	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.9.8	183,169,933,157	1,945,537,980
	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
	II. Nợ dài hạn	330		89,644,379,283	34,281,270,435
	1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
	2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
	3. Phải trả dài hạn khác	333	V.10.1	1,716,930,586	1,305,919,000

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	12/31/2007	1/1/2007
	4. Vay và nợ dài hạn	334	V.10.2	87,927,448,697	32,975,351,435
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		601,578,136,571	69,030,944,019
	I. Vốn Chủ Sở Hữu	410	V.11.	601,491,419,632	69,495,472,091
	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		450,000,000,000	50,000,000,000
	2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
	3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
	4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	-
	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
	7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
	8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
	10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		151,491,419,632	19,495,472,091
	11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	V.12.	86,716,939	(464,528,072)
	1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		86,716,939	(464,528,072)
	2. Nguồn kinh phí	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		1,384,198,046,136	227,999,529,429

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm 2007	Năm 2006
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	851,215,587,725	67,862,551,981
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm 2007	Năm 2006
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ	10		851,215,587,725	67,862,551,981
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2.	683,511,665,573	43,991,501,538
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ	20		167,703,922,152	23,871,050,443
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	2,289,131,932	88,482,604
7.	Chi phí tài chính	22	VI.4.	1,491,611,808	1,727,941,995
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1,215,070,126	1,167,707,119
8.	Chi phí bán hàng	24	VI.5.	295,248,672	796,023,667
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6.	3,546,868,247	2,982,840,594
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		164,659,325,357	18,452,726,791
11.	Thu nhập khác	31	VI.7.	714,535,809	2,413,584,750
12.	Chi phí khác	32	VI.8.	56,196,735	-
13.	Lợi nhuận khác (31-32)	40		658,339,074	2,413,584,750
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (30+40)	50		165,317,664,431	20,866,311,541
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9.	28,628,026,633	1,823,554,715
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		136,689,637,798	19,042,756,826
18.	Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu	70		3,813	7,609

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2007	Năm 2006
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		165,317,664,431	20,866,311,541
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		2,644,052,595	1,392,076,525
Các khoản dự phòng	03		-	-

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2007	Năm 2006
Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
Lãi/lỗ do từ hoạt động đầu tư	05		(2,225,326,060)	-
Chi phí lãi vay	06		1,215,070,126	1,167,707,119
Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		166,951,461,092	23,426,095,185
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(175,601,522,406)	(72,413,988,230)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(147,763,092,435)	(9,229,976,853)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11		410,803,075,992	32,476,309,054
Tăng/ giảm chi phí trả trước	12		(406,636,882)	1,315,246,876
Tiền lãi vay đã trả	13		(1,215,070,126)	(1,167,707,119)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(354,624,799)	110,771,706
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		551,245,011	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		252,964,835,447	(25,483,249,381)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		(125,548,771,589)	(17,199,711,622)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22		-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(700,422,737,000)	(900,000,000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2,225,326,060	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(823,746,182,529)	(18,099,711,622)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31		400,000,000,000	27,000,000,000
Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu	32		-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn	33		221,705,388,353	26,918,982,984

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2007	Năm 2006
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(31,693,324,003)	(20,418,911,509)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(10,130,908,278)	164,110,553
Cổ tức, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu	36		-	(221,740,273)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		579,881,156,072	33,442,441,755
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		9,099,808,990	(10,140,519,248)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1,753,415,399	11,893,934,647
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ	70		10,853,224,389	1,753,415,399

V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán

1. Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập

Công ty Kiểm toán và Dịch vụ tin học (AISC)

Địa chỉ: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 9305 163 Fax: (84.8) 9304 281

Email: aisc@hcm.vnn.vn

Website: www.aisc.com.vn

- Ý kiến kiểm toán độc lập:

“Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên mọi phương diện trọng yếu, các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công Ty Cổ Phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 cũng như Kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình Lưu chuyển tiền tệ của Công Ty Cổ Phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.”

- Các nhận xét đặc biệt (thư quản lý): không có

2. Kiểm toán nội bộ: chưa có

- Ý kiến kiểm toán nội bộ

- Các nhận xét đặc biệt

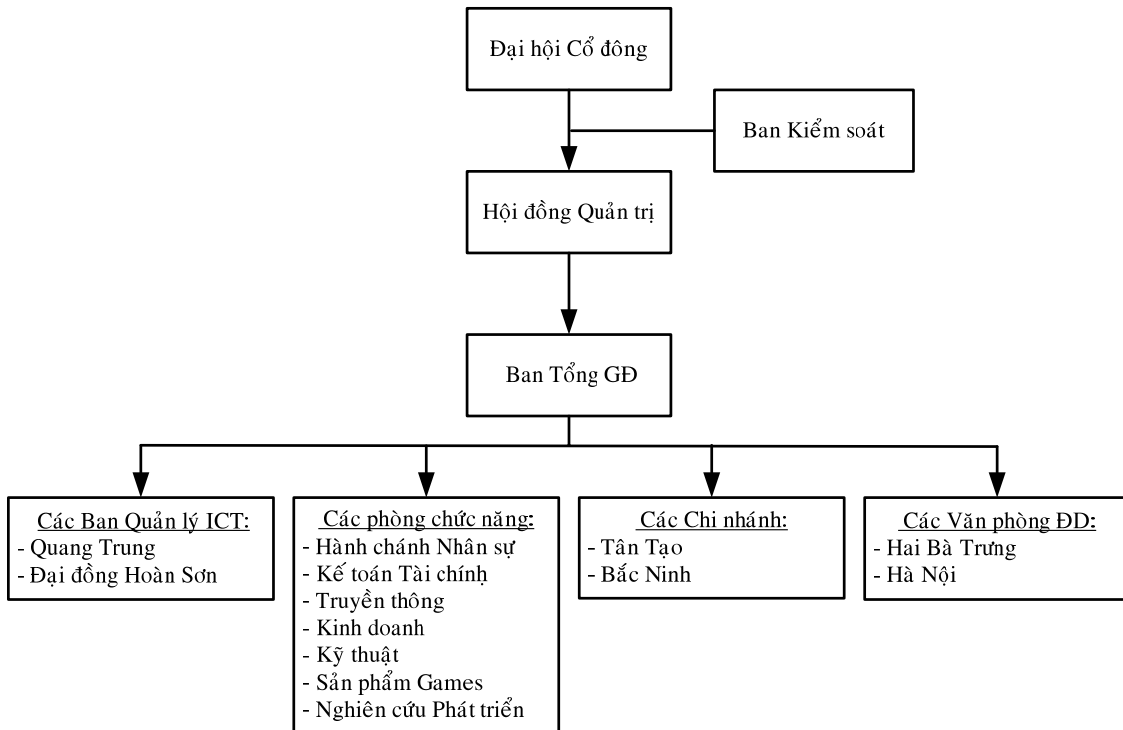
VI. Các công ty có liên quan năm 2007

22. Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty:
Không có

23. Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức, công ty nắm giữ:
Không có

VII. Tổ chức và nhân sự

1. Cơ cấu tổ chức của công ty



Danh sách HĐQT, Ban giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

STT	Họ và Tên	Chức danh	
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1	Đặng Thành Tâm	Chủ tịch HĐQT
	2	Đặng Nhứt	Ủy viên HĐQT
	3	Nguyễn Vĩnh Thọ	Ủy viên HĐQT
	4	Chung Trí Phong	Ủy viên HĐQT
	5	Nguyễn Thị Thu Hương	Ủy viên HĐQT
BAN GIÁM ĐỐC	6	Đặng Thị Hoàng Phượng	Tổng Giám đốc
	7	Huỳnh Ngọc Huy	Phó Tổng Giám đốc
	8	Nguyễn Minh Hoàng	Phó Tổng Giám đốc
	9	Nguyễn Minh Tuyên	Phó Tổng Giám đốc

	10	Hoàng Sĩ Hóa	Phó Tổng Giám đốc
	11	Đào Hùng Tiến	Phó Tổng Giám đốc
		Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc
BAN KIỂM SOÁT	12	Ngô Thị Phương Thủy	Trưởng Ban KS
	13	Nguyễn Văn Xuân	Ủy viên Ban KS
	14	Lê Chí Cường	Ủy viên Ban KS
KẾ TOÁN TRƯỞNG	15	Lê Thị Mỹ Hạnh	Kế toán trưởng

Tóm tắt lý lịch của các thành viên Ban Điều hành:

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	CHỨNG MINH NHÂN DÂN			CHỨC VỤ	TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO
			SỐ	NGÀY CẤP	NƠI CẤP		
1	ĐẶNG THỊ HOÀNG PHƯỢNG	1/9/1969	022759992	22/05/2003	CA TP.HCM	Tổng Giám đốc	Kỹ sư Kinh Tế
2	HUỶNH NGỌC HUY	10/4/1966	JH246760	30/07/2004	Hull, Canada	Phó Tổng Giám đốc	KS CNTT, KS Cơ Khí Hàng Hải
3	NGUYỄN MINH HOÀNG	8/9/1962	020524767	14/08/1995	CA TP.HCM	Phó Tổng Giám đốc	Tiến sỹ-CNTT & Điện tử viễn thông
4	NGUYỄN MINH TUYẾN	2/2/1966	260899829	1/11/1997	CA- Bình Thuận	Phó Tổng Giám đốc	Cử Nhân Tin Học
5	HOÀNG SĨ HÓA	28/01/1969	023501333	19/03/1997	CA TP.HCM	Phó Tổng Giám đốc	ThS Viễn thông, ThS Quản trị Kinh doanh
6	ĐÀO HÙNG TIẾN	26/8/1971	011555197	25/09/2007	CA TP Hà Nội	Phó Tổng Giám đốc	Cử nhân Kinh tế, Kiểm toán viên.
7	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	22/10/1971	011613120	15/05/1996	CA TP Hà Nội	Phó Tổng Giám đốc	TS KH Kinh tế, ThS Quản trị kinh doanh

2. Thay đổi thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát trong năm 2007

Tại Đại hội Cổ đông bất thường ngày 02/06/2007, Công ty đã bầu thêm hai thành viên mới trong Hội đồng Quản trị là Ông Đặng Nhứt và Bà Nguyễn Thị Thu Hương. Cụ thể Hội đồng Quản trị gồm những thành viên sau:

- Ông Đặng Thành Tâm
- Ông Đặng Nhứt
- Ông Nguyễn Vĩnh Thọ
- Ông Chung Trí Phong
- Chủ tịch
- Thành viên
- Thành viên
- Thành viên

- Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Thành viên

Bên cạnh đó, Đại hội cũng bầu ra Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2007 – 2012 gồm các ông/bà sau:

- Bà Ngô Thị Phương Thủy
- Ông Nguyễn Văn Xuân
- Ông Lê Chí Cường

3. Thay đổi Tổng Giám đốc năm 2007

Ngày 09/11/2007, Hội đồng Quản trị đã bổ nhiệm bà Đặng Thị Hoàng Phương làm Tổng Giám đốc Công ty thay ông Huỳnh Ngọc Huy. Ông Huỳnh Ngọc Huy được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc Dự án.

Tổng Giám đốc không nhận tiền lương từ Công ty.

4. Thông tin về cán bộ nhân viên thời điểm 31/12/2007

Số lượng cán bộ nhân viên thời điểm 31/12/2007 là 164 người, trong đó 94 người (chiếm tỷ lệ 57,32%) có trình độ Sau đại học và Đại học

Thu nhập bình quân năm 2007: 4.083.392 VNĐ/Người/Tháng

Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Để thực hiện tốt các mục tiêu kinh doanh, Công ty luôn quan tâm đến việc bổ sung và nâng cao nguồn nhân lực. Nhu cầu về nguồn nhân lực được đáp ứng thông qua các kế hoạch đào tạo hoặc tuyển dụng, phân công và điều phối lao động thích hợp. Công ty tạo điều kiện cho các Trưởng bộ phận được chủ động và bố trí nhân lực đúng người, đúng việc thuộc phòng ban mình.

Công ty khuyến khích và tạo điều kiện cho cán bộ, công nhân viên đăng ký tham gia vào các khóa đào tạo dài hạn hoặc ngắn hạn để nâng cao trình độ kiến thức, chuyên môn nghiệp vụ.

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

- Lương chính: Không thấp hơn mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định cho từng chức danh công việc.
- Phụ cấp lương: Phụ cấp trách nhiệm, phụ cấp hỗ trợ các phòng ban khác, phụ cấp kiêm nhiệm, phụ cấp thâm niên, phụ cấp độc hại, phụ cấp điện thoại, phụ cấp xăng đi công tác bằng xe cá nhân.
- Công ty đầu tư 02 xe hơi 16 chỗ để đưa đón nhân viên đi làm.
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế: Công ty đóng theo quy định.

- Hằng năm, tất cả nhân viên được xét nâng lương, được đi nghỉ mát, được khám sức khỏe định kỳ, khi có hiếu hỷ đều được Công ty hỗ trợ chi phí.
- Các hình thức kỷ luật tuân theo quy định của Bộ luật lao động và theo Nội quy lao động của Công ty.

VIII. Thông tin cổ đông/thành viên góp vốn và Quản trị công ty

1. Hội đồng Quản trị

Cơ cấu của Hội đồng Quản trị

Gồm 05 thành viên, trong có 04 thành viên không điều hành gồm:

- | | |
|-----------------------|------------|
| - Ông Đặng Thành Tâm | - Chủ tịch |
| - Ông Đặng Nhứt | - Ủy viên |
| - Ông Nguyễn Vĩnh Thọ | - Ủy viên |
| - Ông Chung Trí Phong | - Ủy viên |

và 01 thành viên kiêm nhiệm Phó Tổng Giám đốc (phụ trách các hoạt động ở các tỉnh phía Bắc) là Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Ủy viên HĐQT.

Hoạt động của Hội đồng Quản trị

Trong năm 2007, hàng quý Hội đồng Quản trị đều họp thường kỳ. Ngoài ra, Hội đồng Quản trị tổ chức nhiều cuộc họp bất thường. Chương trình nghị sự các cuộc họp là: phát hành cổ phiếu tăng vốn, chủ trương niêm yết cổ phiếu, ra các quyết định đầu tư,... Các thành viên HĐQT Hội đồng quản trị đã thực thi nhiệm vụ của mình với tinh thần trách nhiệm cao, có tầm nhìn chiến lược và đưa ra quyết định kịp thời trong quá trình lãnh đạo Công ty. Hàng tuần, Chủ tịch HĐQT đều thu xếp làm việc với Ban Điều hành để trực tiếp chỉ đạo các hoạt động.

2. Ban Kiểm soát

Cơ cấu của Ban Kiểm soát

Gồm 03 thành viên:

- | | |
|--------------------------|--------------|
| - Bà Ngô Thị Phương Thủy | - Trưởng BKS |
| - Ông Nguyễn Văn Xuân | - Ủy viên |
| - Ông Lê Chí Cường | - Ủy viên |

Hoạt động của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát thay mặt cổ đông kiểm soát các hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị, hoạt động điều hành công ty. Hàng quý, Ban Kiểm soát đều họp

thường kỳ để xem xét và đánh giá kết quả hoạt động của Công ty. Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm soát Báo cáo tài chính năm 2007 của Văn phòng Công ty và hai chi nhánh trực thuộc.

3. Thù lao thành viên HĐQT và Ban KS

Từ khi thành lập công ty đến nay, các thành viên HĐQT và Ban KS không nhận thù lao.

4. Những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của cổ đông nội bộ và người có liên quan:

Từ khi cổ phiếu Công ty niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM cho đến ngày chốt sổ cổ đông 20/03/2008, các thành viên HĐQT, Ban Điều hành, Ban KS và những người có liên quan không có giao dịch nào đối với cổ phiếu SGT.

Thông tin về số lượng và tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ của các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng.

Bảng 4: Tỷ lệ nắm giữ của các Cổ đông đặc biệt

STT	CHỨC VỤ	TÊN NGƯỜI SỞ HỮU CHỨNG KHOÁN	SỐ ĐKNSH	ĐỊA CHỈ	SL CK SỞ HỮU	TỶ LỆ NẮM GIỮ
1	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	ĐẶNG THÀNH TÂM CHỦ TỊCH HĐQT	022756956	6/35D Bình Khánh 3, Phường Bình An, Quận 2, TP.HCM.	10,660,000	23.689
2		NGUYỄN VĨNH THỌ THÀNH VIÊN HĐQT	022238921	498 Điện Biên Phủ P11 Q10	100,000	0.222
3		NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG THÀNH VIÊN HĐQT - P.TỔNG GIÁM ĐỐC	011613120	Số 41 ngõ Văn Chơng, phường Văn Chơng, quận Đống Đa, TP Hà Nội	20,000	0.044
4		ĐẶNG NHÚT THÀNH VIÊN HĐQT	020235230	535/9 Nguyễn Tri Ph- ơng, F8, Quận 10, Tp.HCM	20,000	0.044
5		CHUNG TRÍ PHONG THÀNH VIÊN HĐQT	022834850	107 Đồng Nguyễn Xí, P. 26, Q.Bình Thạnh	8,000	0.018
6	BAN GIÁM ĐỐC	ĐẶNG THỊ HOÀNG PHƯỢNG - TỔNG GIÁM ĐỐC	022759992	140/11 S Vạn Hạnh nối dài, P.12, Quận 10, TP.HCM.	1,000,000	2.222
		NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG THÀNH VIÊN HĐQT - P. TỔNG GIÁM ĐỐC	011613120	Số 41 ngõ Văn Chơng, phường Văn Chơng, quận Đống Đa, TP Hà Nội		-
7		HUYỀN NGỌC HUY P.TỔNG GIÁM ĐỐC	JH 246760	1116 Clyde Ave, Ottawa, Ontario, Canada	20,000	0.044

STT	CHỨC VỤ	TÊN NGƯỜI SỞ HỮU CHỨNG KHOÁN	SỐ ĐKNSH	ĐỊA CHỈ	SL CK SỐ HỮU	TỶ LỆ NĂM GIỮ
8		NGUYỄN MINH HOÀNG P.TỔNG GIÁM ĐỐC	020524767	69/8 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 04	11,040	0.025
9		NGUYỄN MINH TUYẾN P.TỔNG GIÁM ĐỐC	260899829	13/95F Khu Phố 3, P.Tăng Nhơn Phú A, Q.9, HCM	13,400	0.030
10		HOÀNG SĨ HÓA P.TỔNG GIÁM ĐỐC	023501333	27/19 Đồng K22, P.12, Q.Tân Bình, TP.HCM	16,000	0.036
11		ĐÀO HÙNG TIẾN P.TỔNG GIÁM ĐỐC	011555197	Số 51 Hàng Bè, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội	20,000	0.044
12	KẾ TOÁN TRƯỞNG	LÊ THỊ MỸ HẠNH KẾ TOÁN TRƯỞNG	023174390	88/24/4 Phan Sào Nam - F11- Q.Tân Bình	8,000	0.018
13	BAN KIỂM SOÁT (CHỨC DANH)	NGÔ THỊ PHƯƠNG THỦY TRƯỞNG BKS	250344413	Nghĩa Hiệp II, Kađô, Đôn Dương, Lâm Đồng	13,000	0.029
14		NGUYỄN VĂN XUÂN THÀNH VIÊN BKS	225037100	Xã Vĩnh Long, TP.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	500	0.001
15		LÊ CHÍ CƯỜNG THÀNH VIÊN BKS	260549551	287/11/11A Thành Công, P.Tân Thành, Q.Tân Phú,	500	0.001

5. Các dữ liệu thống kê về cổ đông chốt ngày 20/03/2008

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông tại thời điểm 20/3/2008

Bảng 5: Cơ cấu vốn cổ đông tại thời điểm 20/03/2008

TT	Danh mục	Giá trị (1.000đồng)	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ đông
1.	Trong nước	397.483.410	88,33	804
	Trong đó: - Cá nhân	267.595.610	59,47	798
	- Tổ chức	129.887.800	28,86	6
2.	Nước ngoài	52,516,590	11,67	65
	Trong đó: - Cá nhân	28,257,390	6,28	59
	- Tổ chức	24.259.200	5,39	6
	Cộng	450.000.000	100	869

Nguồn: SAIGONTEL

- Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn trong nước

Bảng 6: Danh sách cổ đông lớn trong nước nắm giữ từ 5% vốn cổ đông trở lên

Số TT	Tên cổ đông	Số CMND/ ĐKKD	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân / địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (nghìn đồng)	Tỷ lệ góp vốn (%)
1.	Đặng Thành Tâm	022756956	6/35D Bình Khánh 2, P. Bình An, Q. 2, Tp. HCM	10.660.000	106.600.000	23,69
2.	Công ty CP Phát triển đô thị Kinh Bắc Đại diện: Đặng Nhứt	2103000012 020235230	Khu Công nghiệp Quê Võ, Huyện Quê Võ, Tỉnh Bắc Ninh 272/1 Nguyễn Tiểu La, P. 8, Q. 10, Tp. HCM	8.448.790	84.487.900	18,78
Tổng cộng				19.108.790	191.087.900	42,47%

- Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn nước ngoài: không có

Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn
P. Tổng giám đốc

HOÀNG SĨ HÓA